

Triết học Việt nam

Lúc đầu chỉ là những yếu tố tự nhiên nguyên thủy thô sơ về duy vật và biện chứng, tư tưởng người Việt trộn lẫn với tín ngưỡng. Tuy nhiên, xuất phát từ gốc văn hóa nông nghiệp, khác với gốc văn hoá du mục ở chỗ trọng tĩnh hơn động, lại có liên quan nhiều với các hiện tượng tự nhiên, tư tưởng triết học Việt Nam đặc biệt chú tâm đến các mối quan hệ mà sản phẩm điển hình là thuyết âm dương ngũ hành (không hoàn toàn giống Trung Quốc) và biểu hiện cụ thể rõ nhất là lối sống quân bình hướng tới sự hài hoà.

Sau đó, chịu nhiều ảnh hưởng tư tưởng của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo được dung hợp và Việt hoá đã góp phần vào sự phát triển của xã hội và văn hoá Việt Nam.

Đặc biệt các nhà Thiên học đời Trần đã suy nghĩ và kiến giải hầu hết các vấn đề triết học mà Phật giáo đặt ra (Tâm-Phật, Không-Có, Sống-Chết...) một cách độc đáo, riêng biệt. Tuy Nho học về sau thịnh vượng, nhiều danh nho Việt Nam cũng không nghiên cứu Khổng-Mạnh một cách câu nệ, mù quáng, mà họ tiếp nhận cả tinh thần Phật giáo, Lão-Trang nên tư tưởng họ có phần thanh thoát, phóng khoáng, gần gũi nhân dân và hoà với thiên nhiên hơn.

Ở các triều đại chuyên chế quan liêu, tư tưởng phong kiến nặng nề đè nén nông dân và trói buộc phụ nữ, nhưng nếp dân chủ làng mạc, tính cộng đồng nguyên thủy vẫn tồn tại trên cơ sở kinh tế nông nghiệp tự cấp tự túc. Cắm rễ sâu trong xã hội nông nghiệp Việt Nam là tư tưởng nông dân có nhiều nét tích cực và tiêu biểu cho con người Việt Nam truyền thống. Họ là nòng cốt chống ngoại xâm qua các cuộc kháng chiến và nổi dậy. Họ sản sinh ra nhiều tướng lĩnh có tài, lãnh tụ nghĩa quân, mà đỉnh cao là người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ cuối thế kỷ 18.

Chính sách trọng nông ức thương, chủ yếu dưới triều Nguyễn, khiến cho ý thức thị dân chậm phát triển. Việt Nam xưa kia coi trọng nhất nông nhì sĩ, hoặc nhất sĩ nhì nông, thương nhân bị khinh rẻ, các nghề khác thường bị coi là nghề phụ, kể cả hoạt động văn hoá.

Thế kỷ 19, phong kiến trong nước suy tàn, văn minh Trung Hoa suy thoái, thì văn hoá phương Tây bắt đầu xâm nhập Việt Nam theo nòng súng thực dân. Giai cấp công nhân hình thành theo chương trình khai thác thuộc địa. Giai cấp tư sản dân tộc cũng hình thành và đã tiến hành được một số cuộc cải cách ở nửa đầu thế kỷ 20.

Tư tưởng của Cách Mạng Tân Hợi (Trung Quốc), đường lối Canh Tân (Nhật Bản) và nhất là Chủ nghĩa Mác-Lênin (qua Pháp và Nga Xô) được du nhập vào Việt nam những năm đầu thế kỷ 20 kết hợp với chủ nghĩa yêu nước trở thành động lực biến đổi lịch sử đưa đất nước tiến lên độc lập. Tiêu biểu cho thời kỳ này Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh, những nhà tư tưởng và danh nhân văn hoá được quốc tế thừa nhận.

Việt nam tuy không có một hệ thống lý luận triết học và tư tưởng riêng, thiếu triết gia tầm cỡ quốc tế. Nhưng không có nghĩa là không có những triết lý sống và những tư tưởng phù hợp với dân tộc mình.

Xã hội nông nghiệp có đặc trưng là tính cộng đồng làng xã với nhiều tàn dư nguyên thủy kéo dài đã tạo ra tính cách đặc thù của con người Việt Nam. Đó là một lối tư duy lưỡng hợp (dualisme), một cách tư duy cụ thể, thiên về kinh nghiệm cảm tính hơn là duy lý, ưa hình tượng hơn khái niệm, nhưng uyển chuyển linh hoạt, dễ dung hợp, dễ thích nghi. Đó là một lối sống nặng tình nghĩa, đoàn kết gắn bó với họ hàng, làng nước (vì nước mất nhà tan, lụt thì lụt cả làng). Đó là một cách hành động theo xu hướng giải quyết dung hoà, quân bình, dựa dẫm các mối quan hệ, đồng thời cũng khôn khéo giỏi ứng biến đã từng nhiều lần biết lấy nhu thắng cương, lấy yếu chống mạnh trong lịch sử.

Trong các bậc thang giá trị tinh thần, Việt Nam đề cao chữ Nhân, kết hợp chặt chẽ Nhân với Nghĩa, Nhân với Đức, bất nhân bất nghĩa đồng nghĩa với thất đức. Nguyễn Trãi từng diễn tả quan niệm Nhân Nghĩa của người Việt - đối lập với cường bạo, nâng lên thành cơ sở của đường lối trị nước và cứu nước. Việt Nam hiểu chữ Trung là Trung với nước, cao hơn Trung với vua, trọng chữ Hiếu nhưng không quá bó hẹp trong khuôn khổ

gia đình. Chữ Phúc cũng đứng hàng đầu bảng giá trị đời sống, người ta khen nhà có phúc hơn là khen giàu, khen sang.

Trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập thế giới, sẽ phải phấn đấu khắc phục một số nhược điểm trong văn hoá truyền thống; kém tư duy lôgích và khoa học kỹ thuật; đầu óc gia trưởng, bảo thủ, địa phương, hẹp hòi; tư tưởng bình quân; xu hướng phủ định cá nhân, san bằng cá tính; tệ ưa sùng bái và thần thánh hoá; thói chuộng từ chương hư danh, yếu về tổ chức thực tiễn...